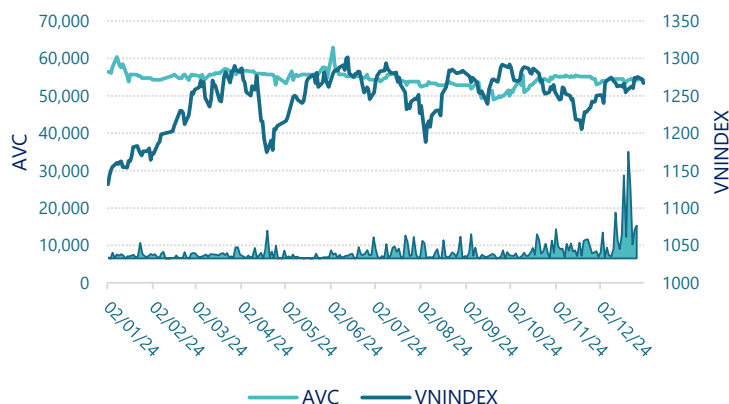


CTCP Thủy Điện A Vương (UPCOM: AVC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	54,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	62,916
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	48,988
SL cổ phiếu LH	75,052,052
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,025
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,068
P/E	13.5
EPS	4,026

DT thuần

Q4/24

275

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 31.0 | 12.8%

YoY: ▲ 77.0 | 39.0%

LN sau thuế

Q4/24

131

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.00 | 6.0%

YoY: ▲ 65.0 | 99.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

50.1%

+/- YoY: ▼ 5.3%

DT thuần

2024

752

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 55.0 | 8.0%

LN sau thuế

2024

302

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 44.0 | -12.8%

ROE

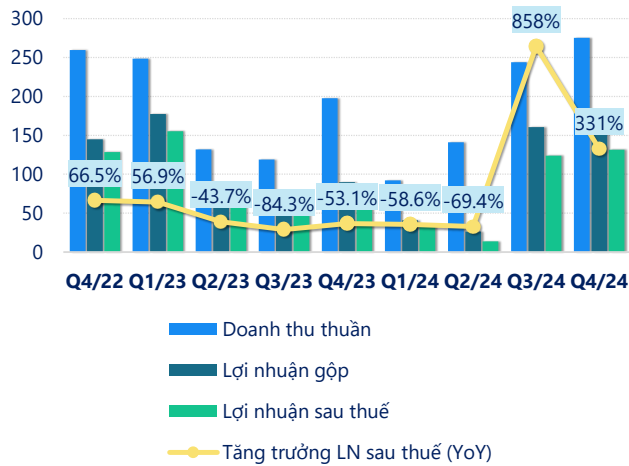
2024

25.0%

+/- YoY: ▲ 2.3%

tỷ VNĐ

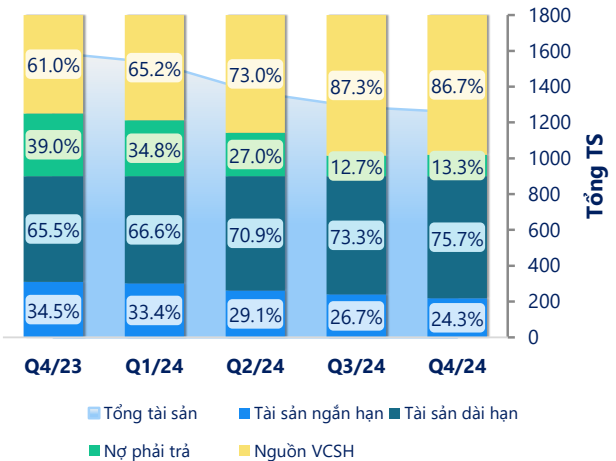
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

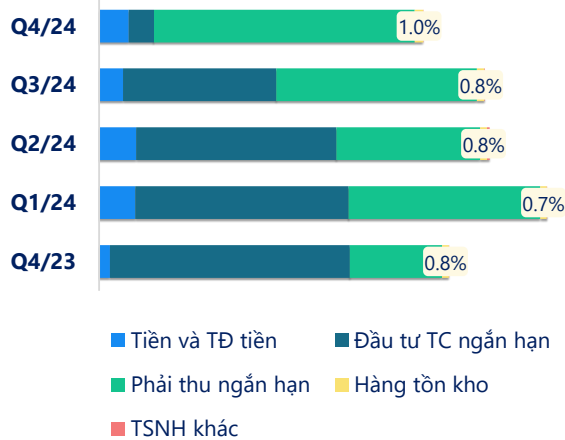
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



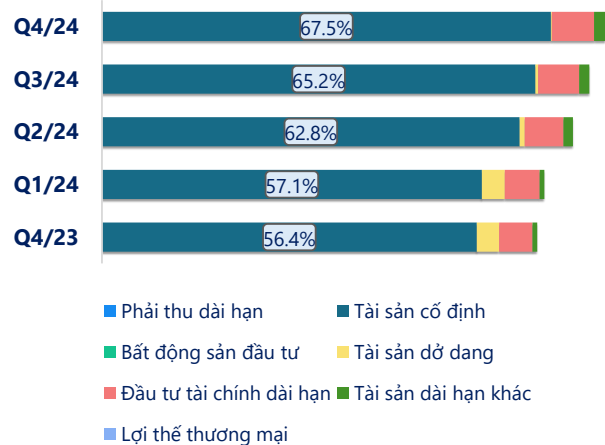
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

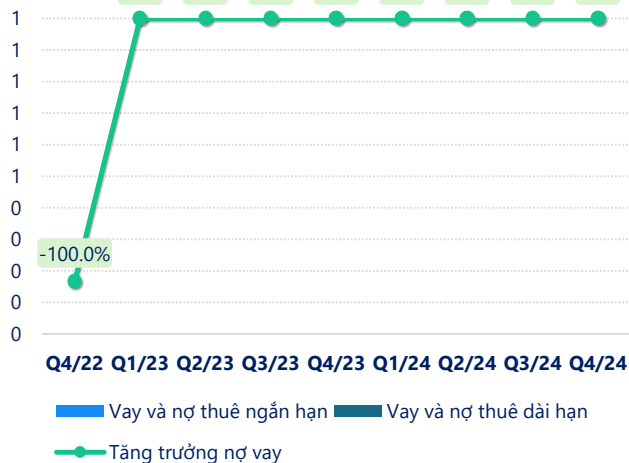
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

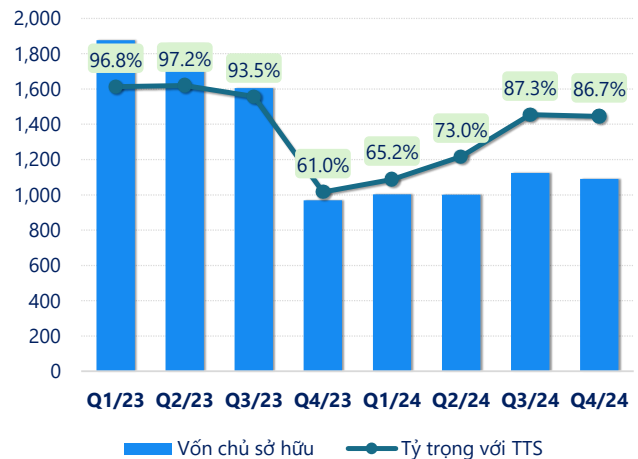
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

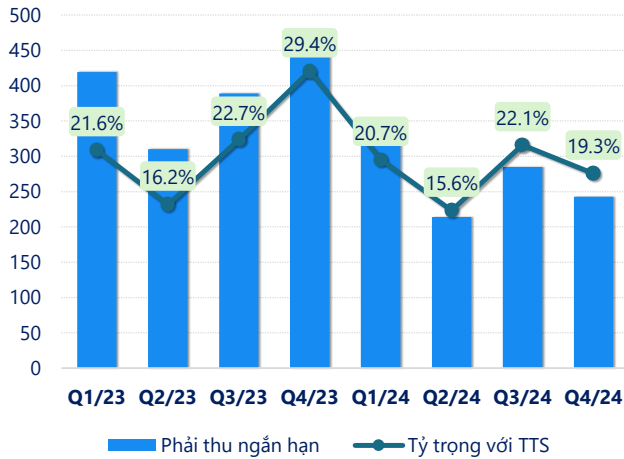
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



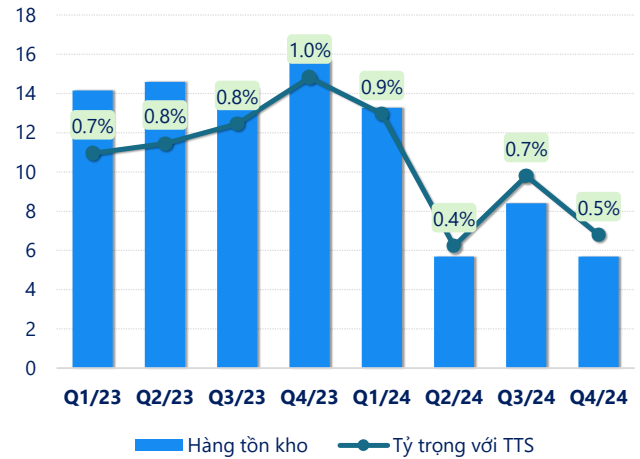
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


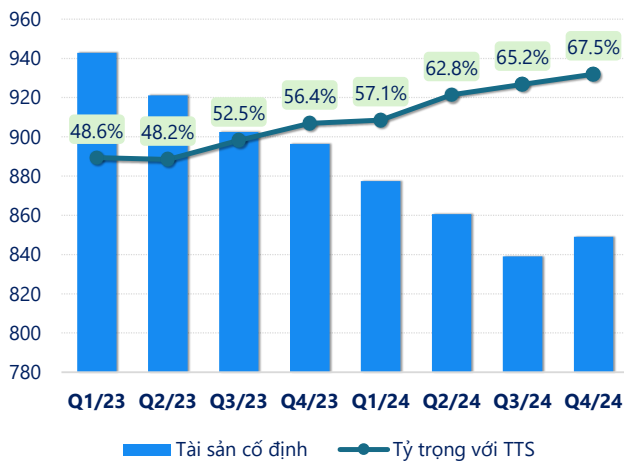
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


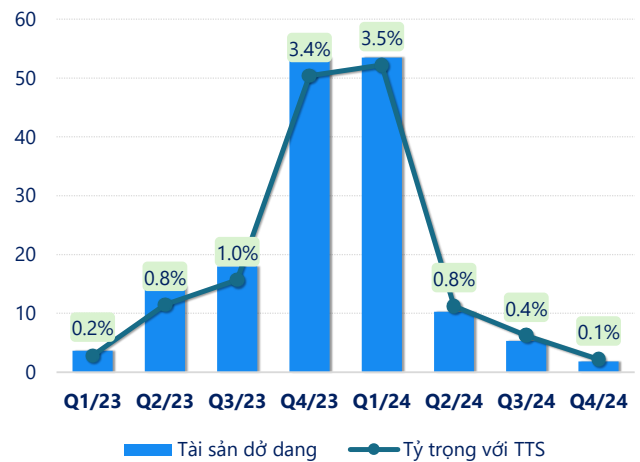
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

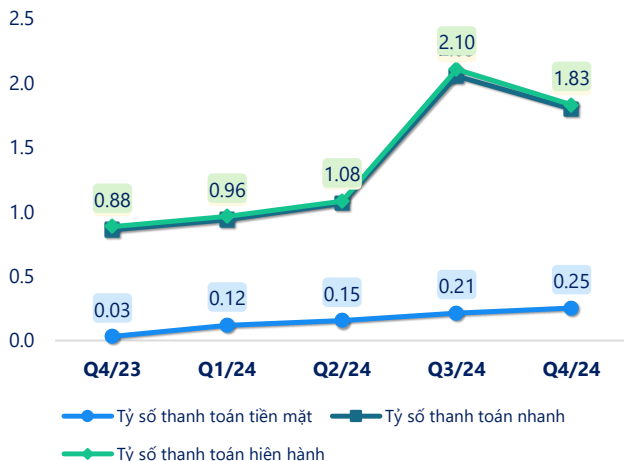
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

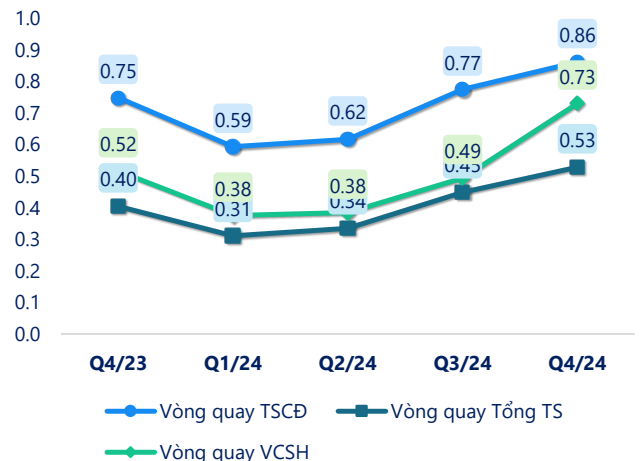
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	1,590	1,535	1,369	1,287	1,257
Tài sản ngắn hạn	549	513	399	343	306
Tiền và tương đương tiền	19.6	62.5	57.0	34.8	42.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	45.0	120	120	15.0	15.0
Phải thu ngắn hạn	468	317	214	285	243
Hàng tồn kho	15.7	13.3	5.68	8.41	5.69
Tài sản ngắn hạn khác	0.19	0.38	2.28	0.32	0.15
Tài sản dài hạn	1,041	1,022	970	944	952
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	896	877	861	839	849
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	53.4	53.4	10.3	5.33	1.83
Đầu tư tài chính dài hạn	79.8	79.8	79.8	79.8	79.8
Tài sản dài hạn khác	11.7	11.3	19.8	19.7	20.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	621	534	369	163	167
Nợ ngắn hạn	621	534	369	163	167
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	56.6	32.9	23.8	14.2	11.5
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	969	1,002	1,000	1,124	1,090
Vốn chủ sở hữu	969	1,002	1,000	1,124	1,090
Vốn điều lệ	751	751	751	751	751
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)